TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2021
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu An
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long
2. Ông Nguyễn Ngọc Giang

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cum Anh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lê Thoại N**, sinh năm 1988
Nơi cư trú: ấp T2, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Bị đơn: ông **Nguyễn Hữu Q**, sinh năm 1989
Nơi cư trú: ấp T2, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Lê Thoại N trình bày: bà và ông Nguyễn Hữu Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2013, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 21/4/2014. Thời gian đầu bà N và ông Q chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông Q không chung thủy, bà N đã khuyên can ông Q nhưng ông Q không thay đổi. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q. Về con chung thì giữa bà N và ông Q có 02 con chung là Nguyễn Lê Hoàng N1 (nam) sinh ngày 03/4/2014 và Nguyễn Lê Hữu N2 (nam) sinh ngày 28/3/2016, hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Trong thời gian bà và ông Q chung sống thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thoại N và ông Nguyễn Hữu Q xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 1 ngày 21/4/2014, do đó, hôn nhân của ông

bà là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Hữu Q không đến tham dự các phiên hòa giải vào ngày 23/3/2021 và 15/4/2021 nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử công khai vào ngày 11/5/2021 nhưng ông Q vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn Nguyễn Hữu Q vẫn vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Hữu Q.

[3] Theo bà Lê Thoại N trình bày, nguyên nhân giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông Q vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không chung thủy, bà N đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Q không thay đổi. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nhưng việc bị đơn không đến tham dự các phiên hòa giải tại Tòa án cũng cho thấy bị đơn không còn tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà N và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Lê Thoại N vẫn cương quyết ly hôn với bị đơn Nguyễn Hữu Q. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà N và ông Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn Nu, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: bà N và ông Q có hai con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng N1 (nam) sinh ngày 03/4/2014 và Nguyễn Lê Hữu N2 (nam) sinh ngày 28/3/2016, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về vấn đề nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng xét các con chung của bà N và ông Q đang sinh sống ổn định bên bà N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhân là được sống với mẹ. Bà N có yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định, xét thấy, trách nhiệm nuôi con chưa thành niên là trách nhiệm chung của bà N và ông Q, ông Q phải có nghĩa vụ đóng góp để nuôi con. Vì vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh bị đơn có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con là ½ tháng lương cơ sở /tháng/1 con chung (1/2 x 1.490.000đ/tháng/1 con chung = 745.000đ/tháng/1 con chung) để buộc ông Q phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nhưng không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81,82, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thoại N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Lê Thoại N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q.

- *Về con chung:* giao các cháu Nguyễn Lê Hoàng N1 (nam) sinh ngày 03/4/2014 và Nguyễn Lê Hữu N2 (nam) sinh ngày 28/3/2016 cho bà Lê Thoại N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 745.000đ/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Hữu Q, không ai được quyền ngăn cản

- *Về tài sản chung, nợ chung:* tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà N nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017911 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã T;
- Lưu HS (2b)

Nguyễn Thị Thu An